

**VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC****VĂN BẢN HỢP NHẤT -  
BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****THÔNG TƯ****Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều  
của Luật quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP  
ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ  
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo**

Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 35/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL, Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL, Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL và Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2019.

*Căn cứ Luật quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo;*

*Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Văn hóa cơ sở,*

*Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật quảng cáo và Nghị định số*

181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo.<sup>1</sup>

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo về tài liệu hợp pháp, tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định sản phẩm quảng cáo và phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về quảng cáo.

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động quảng cáo trên lãnh thổ Việt Nam.

### **Điều 2. Tài liệu hợp pháp**

1. Tài liệu hợp pháp quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật quảng cáo bao gồm:

a) Kết quả khảo sát thị trường của các tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp có chức năng nghiên cứu thị trường;

b) Giấy chứng nhận hoặc các giấy tờ tương tự tại các cuộc thi, triển lãm có quy mô khu vực hoặc toàn quốc bình chọn và công nhận các loại sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đó là “nhất”, “duy nhất”, “tốt nhất”, “số một” hoặc các từ ngữ có ý nghĩa tương tự.

2. Thời gian sử dụng tài liệu hợp pháp chứng minh từ “nhất”, “duy nhất”, “tốt nhất”, “số một” hoặc các từ ngữ có ý nghĩa tương tự trên các sản phẩm quảng cáo là 01 (một) năm kể từ ngày tổ chức, cá nhân được cấp giấy chứng nhận hoặc nhận kết quả khảo sát thị trường.

3. Trên sản phẩm quảng cáo phải thể hiện đầy đủ, rõ ràng, chính xác tên tài liệu hợp pháp quy định tại Khoản 1 Điều này.

---

<sup>1</sup> Thông tư số 35/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL, Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL, Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL và Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2019 có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;*

*Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL, Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL, Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL và Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL.”*



**Điều 3. Yêu cầu thẩm định sản phẩm quảng cáo**

1. Hội đồng thẩm định sản phẩm quảng cáo tiến hành thẩm định sản phẩm quảng cáo theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân trong các trường hợp sau:

a) Sản phẩm quảng cáo có nội dung liên quan đến quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Luật quảng cáo;

b) Sản phẩm quảng cáo bị người kinh doanh dịch vụ quảng cáo, người phát hành quảng cáo từ chối thực hiện do không đảm bảo về tính hợp pháp của sản phẩm quảng cáo;

c) Có ý kiến khác nhau về nội dung sản phẩm quảng cáo giữa cơ quan quản lý nhà nước với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động quảng cáo;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng thẩm định sản phẩm quảng cáo không thẩm định các sản phẩm quảng cáo chỉ thể hiện lô-gô, biểu tượng, nhãn hiệu, thương hiệu của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ.

**Điều 4. Thành lập Hội đồng thẩm định sản phẩm quảng cáo**

1. Hội đồng thẩm định sản phẩm quảng cáo quy định tại Điều 9 của Luật quảng cáo do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định thành lập.

2. Hội đồng thẩm định sản phẩm quảng cáo thực hiện việc giải quyết yêu cầu thẩm định sản phẩm quảng cáo và tự giải thể sau khi có kết quả thẩm định.

3. Việc quyết định thành viên của Hội đồng thẩm định sản phẩm quảng cáo thực hiện theo đề nghị của Cục Văn hóa cơ sở và văn bản cử thành viên của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

**Điều 5. Thành phần Hội đồng thẩm định sản phẩm quảng cáo**

1. Số lượng thành viên của Hội đồng thẩm định sản phẩm quảng cáo phải là số lẻ và phải có ít nhất 05 (năm) thành viên, bao gồm: 01 Chủ tịch Hội đồng, 01 ủy viên làm thư ký và các ủy viên.

2. Thành phần tham gia Hội đồng thẩm định sản phẩm quảng cáo căn cứ vào nội dung của sản phẩm quảng cáo cần thẩm định, bao gồm:

a) Đại diện các Cục, Vụ có liên quan thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương và các Bộ, ngành khác;

b) Đại diện các tổ chức nghề nghiệp;

c) Chuyên gia hoặc đại diện đơn vị, tổ chức khác có các hoạt động chuyên môn liên quan đến nội dung cần thẩm định.

3. Chủ tịch Hội đồng thẩm định sản phẩm quảng cáo là Lãnh đạo Cục Văn hóa cơ sở.

4. Cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định sản phẩm quảng cáo là Cục Văn hóa cơ sở.

#### **Điều 6. Cơ chế hoạt động của Hội đồng thẩm định sản phẩm quảng cáo**

1. Hội đồng thẩm định sản phẩm quảng cáo làm việc dưới sự điều hành của Chủ tịch Hội đồng theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

2. Hội đồng thẩm định sản phẩm quảng cáo và từng thành viên trong Hội đồng phải chịu trách nhiệm về nội dung và chất lượng thẩm định.

3. Phiên họp của Hội đồng thẩm định sản phẩm quảng cáo phải đảm bảo có mặt ít nhất 3/4 tổng số thành viên.

4. Kết quả thẩm định phải thể hiện bằng văn bản và phải có chữ ký của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng.

#### **Điều 7. Quy trình thẩm định sản phẩm quảng cáo**

1. Tổ chức, cá nhân gửi yêu cầu thẩm định sản phẩm quảng cáo trực tiếp đến Cục Văn hóa cơ sở hoặc qua đường bưu điện (Mẫu số 1).

2. Sau khi nhận được yêu cầu thẩm định sản phẩm quảng cáo của tổ chức, cá nhân, Cục Văn hóa cơ sở trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định thành lập Hội đồng, gửi tóm tắt yêu cầu cần thẩm định và giấy mời họp đến các thành viên Hội đồng thẩm định sản phẩm quảng cáo ít nhất 02 (hai) ngày trước ngày diễn ra phiên họp.

3. Hội đồng thẩm định sản phẩm quảng cáo tiến hành họp để thẩm định theo quy trình sau đây:

a) Chủ tịch Hội đồng trình bày tóm tắt nội dung yêu cầu cần thẩm định;

b) Các ủy viên của Hội đồng đưa ra nhận xét, đánh giá; Hội đồng thảo luận để thống nhất ý kiến nhận xét, đánh giá;

c) Thành viên Hội đồng biểu quyết; Chủ tịch Hội đồng thẩm định sản phẩm quảng cáo quyết định theo đa số về sự phù hợp của sản phẩm quảng cáo với quy định của pháp luật về quảng cáo;



d) Ủy viên thư ký lập biên bản phiên họp;

đ) Hội đồng thông qua biên bản phiên họp, Chủ tịch và Ủy viên thư ký Hội đồng thẩm định sản phẩm quảng cáo ký vào biên bản đã được thông qua.

4. Căn cứ vào kết quả thẩm định, Cục trưởng Cục Văn hóa cơ sở có văn bản gửi tổ chức, cá nhân trong đó nêu rõ sản phẩm quảng cáo phù hợp hoặc không phù hợp với quy định của pháp luật về quảng cáo.

5. Trong thời gian 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu thẩm định sản phẩm quảng cáo, Cục Văn hóa cơ sở phải gửi văn bản thẩm định sản phẩm quảng cáo (Mẫu số 2) cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu thẩm định.

### **Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

1. Cục Văn hóa cơ sở:

a) Giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quảng cáo trong phạm vi cả nước;

b) Chủ trì Hội đồng thẩm định sản phẩm quảng cáo khi có yêu cầu của tổ chức, cá nhân;

c) Có ý kiến tham gia trong việc khen thưởng và xử lý vi phạm trong hoạt động quảng cáo.

2. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Cục Văn hóa cơ sở giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện quản lý nhà nước về quảng cáo.

3. Thanh tra Bộ có trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, xử lý các vi phạm pháp luật trong hoạt động quảng cáo theo thẩm quyền; phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động quảng cáo theo quy định của pháp luật.

### **Điều 9. Trách nhiệm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chủ trì và phối hợp với các Sở, ngành ở địa phương xây dựng quy hoạch quảng cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp nhận và xử lý hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn theo quy trình sau đây:

a) Trực tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo và băng-rôn;

b) Sau khi nhận đủ hồ sơ quy định tại Điều 29 của Luật quảng cáo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có giấy tiếp nhận hồ sơ gửi tổ chức, cá nhân (Mẫu số 3) và vào sổ tiếp nhận hồ sơ (Mẫu số 4);

c) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ được ghi trong sổ tiếp nhận hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân thông báo sản phẩm quảng cáo. Trong trường hợp không đồng ý với các nội dung trong hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo của tổ chức, cá nhân, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải trả lời, nêu rõ lý do và yêu cầu nội dung cần chỉnh sửa;

d) Gửi nội dung văn bản thông báo sản phẩm quảng cáo và văn bản yêu cầu chỉnh sửa (nếu có) cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện để phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

3. Giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo định kỳ việc quản lý hoạt động quảng cáo trên địa bàn gửi về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Văn hóa cơ sở) trước ngày 31 tháng 12 hằng năm với các nội dung sau đây:

a) Văn bản quản lý nhà nước về quảng cáo của địa phương đã ban hành;

b) Quy hoạch quảng cáo của địa phương, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch;

c) Số lượng doanh nghiệp đăng ký kinh doanh dịch vụ quảng cáo có trụ sở trên địa bàn; số lượng doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ quảng cáo có chi nhánh, văn phòng đại diện đặt tại địa phương;

d) Số lượng, tình hình hoạt động của Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại địa phương;

đ) Số lượng hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo (cụ thể đối với từng phương tiện quảng cáo);

e) Các vi phạm về hoạt động quảng cáo và kết quả xử lý vi phạm trên địa bàn.

4. Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 10. Trách nhiệm của Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện**

1. Kiểm tra việc thực hiện quảng cáo trên địa bàn.

2. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý đối với các hành vi vi phạm về hoạt động quảng cáo theo quy định của pháp luật.



3. Phối hợp với Thanh tra Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động quảng cáo trên địa bàn.

4. Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 11. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2014.

2. Các quy định về hoạt động quảng cáo trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

3. Ban hành kèm theo Thông tư này các biểu mẫu sau đây:

a) Đơn đề nghị thẩm định sản phẩm quảng cáo (Mẫu số 1);

b) Văn bản thẩm định sản phẩm quảng cáo (Mẫu số 2);

c) Giấy tiếp nhận (Mẫu số 3);

d) Sổ tiếp nhận Hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo (Mẫu số 4);

đ) Văn bản thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn (Mẫu số 5);

e) Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài (Mẫu số 6);

g) Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam (Mẫu số 7);

h) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng Đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài (Mẫu số 8);

i) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài (Mẫu số 9);

k) Báo cáo hoạt động thực hiện dịch vụ quảng cáo của người kinh doanh dịch vụ quảng cáo khi thực hiện các hợp đồng dịch vụ quảng cáo trên trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới tại Việt Nam (Mẫu số 10).

### **Điều 12. Trách nhiệm thi hành<sup>2</sup>**

<sup>2</sup> Điều 5 của Thông tư số 35/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL, Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL, Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL và Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2019 quy định như sau:

#### **“Điều 5. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2019.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./”.

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Cục Văn hóa cơ sở chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra và hướng dẫn việc thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Cục Văn hóa cơ sở) để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO  
VÀ DU LỊCH**

Số: 5699/VBHN-BVHTTDL

**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

*Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2018*

**BỘ TRƯỞNG**

**Nguyễn Ngọc Thiện**



**Mẫu số 1**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013  
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH SẢN PHẨM QUẢNG CÁO**

Kính gửi: Cục Văn hóa cơ sở (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Họ và tên:..... Chức vụ:.....

Đại diện cho:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Đề nghị thẩm định sản phẩm quảng cáo:.....

Nội dung thẩm định:.....

Hồ sơ gửi kèm:

1.....

2.....

3.....

Chúng tôi xin bảo đảm về tính trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có sai phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

**Mẫu số 2**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**  
**CỤC VĂN HÓA CƠ SỞ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /VHCS-QC  
V/v thẩm định sản phẩm quảng cáo

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

Kính gửi:..... (Tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định)

Căn cứ yêu cầu của (tổ chức, cá nhân) về việc thẩm sản phẩm quảng cáo...(tên sản phẩm) tại đơn đề nghị thẩm định sản phẩm quảng cáo ngày... tháng.. năm.... Sau khi Hội đồng thẩm định sản phẩm quảng cáo họp xem xét nội dung sản phẩm quảng cáo, Cục Văn hóa cơ sở (Thường trực Hội đồng thẩm định sản phẩm quảng cáo) có ý kiến thẩm định như sau:

1. Sự phù hợp của nội dung sản phẩm quảng cáo với quy định của pháp luật về quảng cáo.

...

2. Nội dung yêu cầu chỉnh sửa (nếu có)

...

Trên đây là ý kiến thẩm định về sản phẩm quảng cáo, gửi... (Tổ chức, cá nhân yêu cầu thẩm định) nghiên cứu, chỉnh sửa trước khi quảng cáo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, QC(02), (tên người soạn thảo văn bản thẩm định).

**CỤC TRƯỞNG**



**Mẫu số 3**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

**TÊN CƠ QUAN  
TIẾP NHẬN HỒ SƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

**GIẤY TIẾP NHẬN**

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: .....

Địa chỉ trụ sở:.....

Điện thoại:..... Fax: .....

Email:..... Website (nếu có): .....

Ngày..... tháng..... năm..... đã nhận của ông/bà:.....

là:.....

Các giấy tờ về việc:.....

Gồm:

1.....

2.....

3.....

.....

**NGƯỜI NỘP HỒ SƠ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu treo)

**Mẫu số 4**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SỞ TIẾP NHẬN HỒ SƠ THÔNG BÁO SẢN PHẨM QUẢNG CÁO**

**TÊN CƠ QUAN TIẾP NHẬN HỒ SƠ THÔNG BÁO SẢN PHẨM QUẢNG CÁO:**

.....  
.....

Quyển số...../...../  
Mở sổ ngày..... tháng..... năm.....  
Khóa sổ ngày..... tháng..... năm.....

09824783



Số TT	Thời điểm nộp hồ sơ		Người nộp hồ sơ		Nội dung sản phẩm quảng cáo	Giấy tờ có trong hồ sơ	Người nộp hồ sơ (ký tên)	Cán bộ tiếp nhận hồ sơ (ký tên)	Ghi chú
	Giờ phút	Ngày tháng năm	Tên Tổ chức hoặc cá nhân	Giấy CMND/ hộ chiếu					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

**Mẫu số 5**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THÔNG BÁO SẢN PHẨM QUẢNG CÁO**  
**TRÊN BẢNG QUẢNG CÁO, BĂNG-RÔN**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố.....

1. Tên người thực hiện:.....
- GPKD số..... do..... cấp (nếu là doanh nghiệp)
- Số chứng minh thư nhân dân:..... Ngày cấp:.....
- Nơi cấp:..... (nếu là cá nhân)
- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại:.....
2. Nội dung trên bảng quảng cáo, băng-rôn:.....
- .....
3. Địa điểm thực hiện:.....
4. Thời gian thực hiện: từ ngày..... tháng.... năm.... đến ngày.... tháng... năm....
5. Số lượng:.....
6. Phương án tháo dỡ (nếu có):.....

7. Tôi (chúng tôi) xin cam kết làm theo nội dung thông báo nêu trên và tháo dỡ đúng thời hạn ghi trong thông báo. Nếu có sai phạm, tôi (chúng tôi) hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**Người làm đơn**

(Ký tên, đóng dấu nếu có)



**Mẫu số 6**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN  
CỦA DOANH NGHIỆP QUẢNG CÁO NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Tên doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài viết tắt (nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:.....

Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:.....

Vốn điều lệ:.....

Số tài khoản:..... tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Email:..... Website: (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Tóm tắt quá trình hoạt động của doanh nghiệp:.....

**Đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam với nội dung cụ thể như sau:**

Tên Văn phòng đại diện:.....

Tên viết tắt: (nếu có).....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:.....

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:(nêu cụ thể lĩnh vực hoạt động)....

Người đứng đầu Văn phòng đại diện:

- Họ và tên:..... Giới tính:.....

- Quốc tịch:.....

- Số hộ chiếu/Chứng minh nhân dân:.....

- Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm.... tại.....

**Chúng tôi xin cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

**Tài liệu gửi kèm bao gồm:** Các giấy tờ quy định tại Khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ.

Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

**Mẫu số 7**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

**UBND TỈNH/THÀNH PHỐ...  
ĐƠN VỊ CẤP PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Địa điểm, ngày... tháng... năm...*

**GIẤY PHÉP  
THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN  
CỦA DOANH NGHIỆP QUẢNG CÁO NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

*Số:.....*

<i>Cấp lần đầu:</i>	<i>ngày... tháng... năm...</i>
<i>Điều chỉnh lần thứ...:</i>	<i>ngày... tháng... năm...</i>
<i>Gia hạn lần thứ...:</i>	<i>ngày... tháng... năm...</i>
<i>Cấp lại lần thứ...:</i>	<i>ngày... tháng... năm...</i>

**ĐƠN VỊ CẤP PHÉP  
TỈNH /THÀNH PHỐ...**

Căn cứ Luật quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012

Căn cứ Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo.

Căn cứ Thông tư số..... Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo.

Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của..... (tên doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép..... (ghi bằng chữ in hoa theo tên doanh nghiệp ghi trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....



- Nơi đăng ký thành lập/đăng ký kinh doanh:.....
  - Địa chỉ trụ sở chính:.....
  - Lĩnh vực hoạt động chính:.....
- được thành lập Văn phòng đại diện tại (tỉnh/thành phố).....
- .....

**Điều 2. Tên Văn phòng đại diện**

- Tên Văn phòng đại diện: (ghi bằng chữ in hoa, đậm theo tên Văn phòng đại diện trong đơn đề nghị).....
- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa theo tên giao dịch bằng tiếng Anh trong đơn đề nghị).....
- Tên viết tắt: (nếu có).....

**Điều 3. Địa chỉ trụ sở Văn phòng đại diện (ghi địa điểm đặt Văn phòng đại diện theo đơn đề nghị).....**

**Điều 4. Người đứng đầu Văn phòng đại diện**

Họ và tên: (ghi bằng chữ in hoa)..... Giới tính:.....

Quốc tịch:.....

Hộ chiếu/chứng minh nhân dân số:.....

Do:..... cấp ngày:... tháng..... năm..... tại.....

**Điều 5. Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện (ghi cụ thể trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài và phù hợp với các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, Luật quảng cáo và quy định pháp luật có liên quan).**

1.....

2.....

**Điều 6. Giấy phép này được lập thành 02 (hai) bản gốc: 01 (một) bản cấp cho:.... (tên doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài theo đơn đề nghị); 01 (một) bản lưu tại..... tỉnh/thành phố./.**

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ của người ký)*

**Mẫu số 8**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG  
GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN  
CỦA DOANH NGHIỆP QUẢNG CÁO NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Tên doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài viết tắt (nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh)

Giấy phép thành lập (đăng ký kinh doanh) số:.....

Do..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:.....

Vốn điều lệ.....

Số tài khoản:..... tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Email:..... Website: (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Tên Văn phòng đại diện (ghi theo tên trên Giấy phép thành lập).....

Tên viết tắt: (nếu có).....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:.....

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Giấy phép thành lập số:.....

Do..... cấp ngày.... tháng..... năm..... tại.....

Số tài khoản ngoại tệ:..... tại Ngân hàng:.....

Số tài khoản tiền Việt Nam:..... tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Email:..... Website: (nếu có).....

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện: (ghi cụ thể lĩnh vực hoạt động theo Giấy phép).....

Người đứng đầu Văn phòng đại diện:

Họ và tên:..... Giới tính:.....

Quốc tịch:.....

Số hộ chiếu/Chứng minh nhân dân.....

Do..... cấp ngày.... tháng..... năm..... tại.....

**Chúng tôi đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập với các nội dung cụ thể như sau:**

Nội dung điều chỉnh:.....

Lý do điều chỉnh:.....

**Chúng tôi xin cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung đơn đề nghị và tài liệu kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

<sup>3</sup> (được bãi bỏ)

Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài  
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

<sup>3</sup> Cụm từ này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 35/2018/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL, Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL, Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL và Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2019.



**Mẫu số 9**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG  
ĐẠI DIỆN CỦA DOANH NGHIỆP QUẢNG CÁO NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Tên doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài viết tắt (nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh)

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:.....

Do..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:.....

Vốn điều lệ.....

Số tài khoản:..... tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Email:..... Website: (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Tên Văn phòng đại diện: (ghi theo tên trên Giấy phép thành lập).....

Tên viết tắt: (nếu có).....  
 Tên giao dịch bằng tiếng Anh:.....  
 Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện: (ghi rõ số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Giấy phép thành lập số:.....

Do..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Số tài khoản ngoại tệ:..... tại Ngân hàng:.....

Số tài khoản tiền Việt Nam:..... tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Email:..... Website: (nếu có).....

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện: (ghi cụ thể lĩnh vực hoạt động theo Giấy phép ).....

Người đứng đầu Văn phòng đại diện:

Họ và tên:..... Giới tính:.....

Quốc tịch:.....

Số hộ chiếu/Chứng minh thư nhân dân:.....

Do..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

**Chúng tôi đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập với lý do như sau:**

**Chúng tôi xin cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung đơn đề nghị và tài liệu kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

**Tài liệu gửi kèm bao gồm:** Các giấy tờ quy định tại Khoản 3 Điều 23 của Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ.

Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài  
 (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**Mẫu số 10**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

**TÊN NGƯỜI KINH DOANH  
DỊCH VỤ QUẢNG CÁO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

**BÁO CÁO**

**Hoạt động thực hiện dịch vụ quảng cáo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài  
kinh doanh dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới tại Việt Nam**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố...

Thực hiện quy định của Luật quảng cáo và các văn bản hướng dẫn thi hành,...  
(tên đơn vị báo cáo) báo cáo hoạt động thực hiện dịch vụ quảng cáo như sau:

**1. Tình hình chung của đơn vị báo cáo**

- Tên, địa chỉ, chức năng kinh doanh chính.
- Số lao động làm việc tại đơn vị (lao động người Việt Nam, người nước ngoài).
- Tên, địa chỉ chủ trang thông tin điện tử nước ngoài kinh doanh dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới tại Việt Nam ủy quyền thực hiện dịch vụ quảng cáo tại Việt Nam...

**2. Các sản phẩm quảng cáo được ủy quyền thực hiện**

...

**3. Thời gian thực hiện dịch vụ quảng cáo tại Việt Nam**

...

**4. vướng mắc trong quá trình hoạt động quảng cáo và kiến nghị**

...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- ...